

Số: 189/2021/CBTT-BHHC-TCHC  
V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được  
soát xét năm 2021.

Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**  
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.  
Điện thoại: 0214 6294668  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Thành Hưng**  
Địa chỉ: Thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.  
Điện thoại: 0989000303  
Loại công bố thông tin:

<input type="checkbox"/>	24 giờ
<input type="checkbox"/>	72 giờ
<input type="checkbox"/>	Bất thường
<input type="checkbox"/>	Theo yêu cầu
<input checked="" type="checkbox"/>	Định kỳ

**Nội dung công bố thông tin:**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà ngày 12/08/2021 tại đường dẫn: <http://www.thuydienbachalaocai.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Trân trọng !*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC.



Nguyễn Thành Hưng

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

100  
C  
-CH  
NG  
A  
N K

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Đông Quốc Cường	Chủ tịch	
Ông	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên	
Ông	Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	
Ông	Nguyễn Văn Thập	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông	Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông	Nguyễn Thành Hưng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Thành Hưng	Tổng Giám đốc
Ông	Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Phạm Ngọc Tân	Trưởng ban	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông	Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)
Ông	Đỗ Văn Chính	Thành viên	(Tiếp tục được bổ nhiệm ngày 22/04/2021)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;



**Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Địa chỉ: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

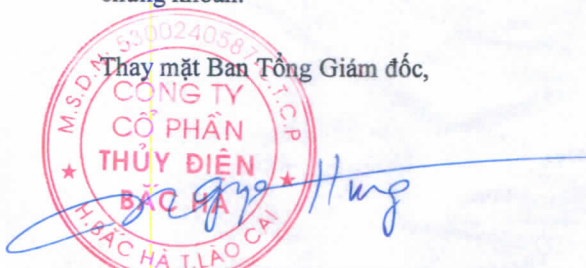
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thành Hưng**

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2021

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được lập ngày 12 tháng 08 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 160321.003/BCTC.KT2 ngày 16/03/2020 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc Công ty đã ghi nhận khoản lãi chậm trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 phát sinh giai đoạn trước năm 2019 với số tiền là 22,73 tỷ VND vào chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" mà không điều chỉnh hồi tố vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán tương ứng. Vấn đề này đến nay vẫn chưa được Công ty điều chỉnh hồi tố, đồng thời trong kỳ Công ty đã thực hiện phân bổ một phần khoản lãi chậm trả này vào chỉ tiêu "Chi phí tài chính" với giá trị là 5 tỷ VND. Do ảnh hưởng của vấn đề này, trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí trả trước dài hạn" (mã số 261) và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 421) tại các thời điểm ngày 01/01/2021 và ngày 30/06/2021, đang cùng phản ánh thừa số tiền lần lượt là 22,73 tỷ VND và 17,73 tỷ VND; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" (mã số 22) đang phản ánh thừa số tiền là 5 tỷ VND.



### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại Thuyết minh 1, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tình hình: Tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2021 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 183,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2021 là 147,9 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2021 là 7,8 tỷ VND; nợ quá hạn chưa thanh toán là 11,7 tỷ VND (Thuyết minh 9 và 12). Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 vẫn đang được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do được trình bày tại Thuyết minh 1.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021*


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>37.435.294.431</b>	<b>35.886.432.104</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14.067.020.100</b>	<b>9.866.985.511</b>
111	1. Tiền		14.067.020.100	9.866.985.511
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.840.117.406</b>	<b>25.559.807.571</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	15.431.525.725	15.198.499.695
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.445.622.437	5.831.982.437
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.962.969.244	4.529.325.439
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>528.156.925</b>	<b>459.639.022</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	528.156.925	459.639.022
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.753.817.321.447</b>	<b>1.804.964.359.601</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>1.735.812.129.210</b>	<b>1.782.197.079.876</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.735.812.129.210	1.782.197.079.876
222	- Nguyên giá		2.606.741.917.785	2.602.682.512.785
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(870.929.788.575)	(820.485.432.909)
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.005.192.237</b>	<b>22.767.279.725</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	18.005.192.237	22.767.279.725
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.791.252.615.878</b>	<b>1.840.850.791.705</b>








**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	89.980.799.829	78.317.936.848
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.980.799.829	78.317.936.848
11	3. Giá vốn hàng bán	17	56.922.726.818	57.213.682.657
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.058.073.011	21.104.254.191
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	18	20.230.044	46.430.010
22	6. Chi phí tài chính	19	53.096.089.521	58.770.121.420
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		53.035.861.696	58.751.453.215
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.394.922.406	2.748.487.836
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(23.412.708.872)	(40.367.925.055)
31	9. Thu nhập khác		29.937.918	28.171.254
32	10. Chi phí khác	21	2.672.555.411	-
40	11. Lợi nhuận khác		(2.642.617.493)	28.171.254
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(26.055.326.365)	(40.339.753.801)
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(26.055.326.365)	(40.339.753.801)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(395)	(611)

  
Hà Thị Thùy  
Người lập biểu

  
Tạ Hồng Diệu  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thành Hưng  
Tổng Giám đốc  
Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2021





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300240587 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 08 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: thôn Lùng Xa, xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 660.000.000.000 VND, tương đương 66.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 52 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 55 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh tình hình: Tổng Nợ ngắn hạn tại ngày 30/06/2021 đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 183,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2021 là 147,9 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2021 là 7,8 tỷ VND; nợ quá hạn chưa thanh toán là 11,7 tỷ VND (Thuyết minh 9 và 12). Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 vẫn đang được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do:

- Nhà máy thủy điện Bắc Hà hiện vẫn đang vận hành ổn định tiếp tục mang lại nguồn thu lớn cho Công ty, Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Công ty vẫn tiếp tục nhận được các khoản cung cấp tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 45 năm
- Máy móc thiết bị	12 - 15 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	12 - 20 năm

## 2.7. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.10. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.14. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Ưu đãi thuế

Theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Công ty thành lập dự án đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng ưu đãi thuế TNDN 10% trong 15 năm: từ năm 2012 đến hết năm 2026; được miễn thuế TNDN phải nộp trong 04 năm từ năm 2012 đến hết năm 2015; được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm từ năm 2016 đến năm 2024.

Năm 2021 sẽ là năm thứ chín Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.

## 2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.20. Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty chỉ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và phân phối điện năng tại khu vực miền Bắc. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



### 3. TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	60.469.509	36.479.627
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.006.550.591	9.830.505.884
	<b>14.067.020.100</b>	<b>9.866.985.511</b>

### 4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.431.525.725	-	15.198.499.695	-
	<b>15.431.525.725</b>	<b>-</b>	<b>15.198.499.695</b>	<b>-</b>

### 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	4.837.568.040	-	4.837.568.040	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	608.054.397	-	994.414.397	-
	<b>5.445.622.437</b>	<b>-</b>	<b>5.831.982.437</b>	<b>-</b>

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	<b>4.837.568.040</b>	<b>-</b>	<b>4.837.568.040</b>	<b>-</b>
--	----------------------	----------	----------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 27)

### 6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	514.127.947	-	1.888.148.670	-
Phải thu khác	1.448.841.297	-	2.641.176.769	-
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam (*)	1.281.029.009	-	2.614.027.995	-
- Phải thu khác	167.812.288	-	27.148.774	-
	<b>1.962.969.244</b>	<b>-</b>	<b>4.529.325.439</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản chi hộ tiền thuế tài nguyên và cấp quyền khai thác nước cho Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam.

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	528.156.925	459.639.022
	<b>528.156.925</b>	<b>459.639.022</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	277.919.510	40.006.998
- Chi phí lãi vay chậm trả <sup>(1)</sup>	17.727.272.727	22.727.272.727
	<b>18.005.192.237</b>	<b>22.767.279.725</b>

<sup>(1)</sup> Khoản chi phí lãi chậm trả liên quan đến công nợ quá hạn thanh toán với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 cho giai đoạn từ trước năm 2019 được xác định theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020 với tổng giá trị là 22,73 tỷ VND. Năm 2020, Công ty đã ghi nhận khoản tiền lãi căn cứ theo Phụ lục hợp đồng này và ghi nhận một khoản phải trả khác tương ứng (xem thuyết minh số 12); trong kỳ, Công ty đã phân bổ một phần tiền lãi này vào chi phí hoạt động tài chính với giá trị là 5 tỷ VND (xem thuyết minh số 19).

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.675.633.438.378	808.318.080.081	118.730.994.326	2.602.682.512.785
- Đầu tư XD CB hoàn thành	4.059.405.000	-	-	4.059.405.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.679.692.843.378</b>	<b>808.318.080.081</b>	<b>118.730.994.326</b>	<b>2.606.741.917.785</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	296.604.066.319	445.004.149.517	78.877.217.073	820.485.432.909
- Khấu hao trong kỳ	19.017.780.523	26.207.775.160	5.218.799.983	50.444.355.666
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>315.621.846.842</b>	<b>471.211.924.677</b>	<b>84.096.017.056</b>	<b>870.929.788.575</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	1.379.029.372.059	363.313.930.564	39.853.777.253	1.782.197.079.876
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.364.070.996.536</b>	<b>337.106.155.404</b>	<b>34.634.977.270</b>	<b>1.735.812.129.210</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.718.413.011.349 VND;

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.489.343.043 VND.



9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(1)</sup>	2.647.739.302	2.647.739.302	8.647.739.302	8.647.739.302
- Công ty Cổ phần Cosmos Toàn Cầu	1.008.013.052	1.008.013.052	1.008.013.052	1.008.013.052
- Phải trả cho các đối tượng khác	3.799.240.986	3.799.240.986	3.904.044.761	3.904.044.761
	<b>7.454.993.340</b>	<b>7.454.993.340</b>	<b>13.559.797.115</b>	<b>13.559.797.115</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(1)</sup>	2.647.739.302	2.647.739.302	8.647.739.302	8.647.739.302
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	986.008.779	986.008.779	986.008.779	986.008.779
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	619.248.529	619.248.529	619.248.529	619.248.529
	<b>4.252.996.610</b>	<b>4.252.996.610</b>	<b>10.252.996.610</b>	<b>10.252.996.610</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>1.605.257.308</b>	<b>1.605.257.308</b>	<b>1.605.257.308</b>	<b>1.605.257.308</b>

<sup>(1)</sup> Như trình bày tại các thuyết minh số 07 và số 12, khoản lãi chậm trả phát sinh liên quan đến việc chậm thanh toán công nợ trên đã được thống nhất giá trị là 22,73 tỷ VND theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Điều chỉnh theo thư tra soát <sup>(1)</sup>	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	9.496.003.127	10.868.999.506	16.119.352.261	(414.671.017)	-	3.830.979.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.284.408.746	-	-	(1.012.429.354)	-	271.979.392
Thuế thu nhập cá nhân	-	49.418.745	129.367.014	68.145.175	(110.640.584)	-	-
Thuế tài nguyên	-	2.140.894.902	9.775.292.513	12.292.356.544	1.540.740.955	-	1.164.571.826
Các loại thuế khác	-	18.739.734	10.829.500.948	9.567.095.948	(3.000.000)	-	1.278.144.734
	-	<b>12.989.465.254</b>	<b>31.603.159.981</b>	<b>38.046.949.928</b>	-	-	<b>6.545.675.307</b>

<sup>(1)</sup> Trong kỳ, Công ty thực hiện điều chỉnh nghĩa vụ thuế theo thư tra soát gửi Chi cục thuế tỉnh Lào Cai. Hiện nay, nghĩa vụ thuế đã được điều chỉnh trên hệ thống phần mềm theo dõi của cơ quan thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## 11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Trích trước chi phí sửa chữa	-	960.000.000
- Chi phí lãi vay phải trả	10.000.000.000	18.107.693.090
+ Lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	-	8.107.693.090
+ Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>19.067.693.090</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí lãi vay ân hạn	34.120.000.000	34.120.000.000
+ Lãi ân hạn phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long <sup>(i)</sup>	34.120.000.000	34.120.000.000
	<b>34.120.000.000</b>	<b>34.120.000.000</b>

<sup>(i)</sup> Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long năm 2012 với số tiền 44,12 tỷ VND gồm 10 tỷ VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12/2021; 30 tỷ VND có lịch thanh toán 10 tỷ VND vào cuối mỗi năm tiếp theo và 4,12 tỷ VND trả lần cuối vào tháng 12/2025, được xác định theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 10/PLTD-BH/2017, theo Phụ lục này khoản lãi vay trên không bị tính lãi.

## 12. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	227.932.283	179.536.124
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	119.452.429	129.266.668
Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.204.122.515	16.505.378.774
- Thuế GTGT phải nộp <sup>(i)</sup>	-	1.505.378.774
- Lãi vay phải trả	55.204.122.515	15.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(ii)</sup>	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long <sup>(iii)</sup>	40.204.122.515	-
	<b>55.551.507.227</b>	<b>16.814.181.566</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(ii)</sup>	7.727.272.727	7.727.272.727
	<b>7.727.272.727</b>	<b>7.727.272.727</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(ii)</sup>	7.500.000.000	7.500.000.000
	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>

<sup>(i)</sup> Số dư đầu năm là thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện chưa phát hành hóa đơn tháng 12 năm 2020 đã xuất hóa đơn năm nay.

<sup>(ii)</sup> Như đã trình bày tại các thuyết minh số 07 và số 09, đây là khoản lãi phải trả phát sinh do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 theo Biên bản làm việc và Phụ lục hợp đồng ký bổ sung Hợp đồng tổng thầu xây lắp số 03/2020/TĐBH-HĐXL ngày 28/08/2020 với tổng giá trị được thống nhất là 22,73 tỷ VND. Trong đó, số tiền lãi vay chậm trả đã quá hạn thanh toán từ ngày 31/12/2020 là 7,5 tỷ VND; phần còn lại là 15,2 tỷ VND gồm 7,5 tỷ VND hạn thanh toán đến 31/12/2021 và 7,7 tỷ VND hạn thanh toán đến 31/12/2022.

<sup>(iii)</sup> Lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 theo thông báo số 666/NHNo.TL-KHDN ngày 07/04/2021.

13. VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	2.366.638.012	2.366.638.012	39.051.830.228	18.866.638.012	22.551.830.228	22.551.830.228
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	118.004.000.000	118.004.000.000	61.002.000.000	61.002.000.000	118.004.000.000	118.004.000.000
	<b>120.370.638.012</b>	<b>120.370.638.012</b>	<b>100.053.830.228</b>	<b>79.868.638.012</b>	<b>140.555.830.228</b>	<b>140.555.830.228</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	1.054.758.174.652	1.054.758.174.652	-	61.002.000.000	993.756.174.652	993.756.174.652
	<b>1.054.758.174.652</b>	<b>1.054.758.174.652</b>	<b>-</b>	<b>61.002.000.000</b>	<b>993.756.174.652</b>	<b>993.756.174.652</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(118.004.000.000)	(118.004.000.000)	(61.002.000.000)	(61.002.000.000)	(118.004.000.000)	(118.004.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<b>936.754.174.652</b>	<b>936.754.174.652</b>			<b>875.752.174.652</b>	<b>875.752.174.652</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	30/06/2021	01/01/2021
					VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					<b>22.551.830.228</b>	<b>2.366.638.012</b>
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lào Cai	VND	Thả nổi	Tín chấp	Bổ sung vốn lưu động	22.551.830.228	2.366.638.012
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>					<b>118.004.000.000</b>	<b>118.004.000.000</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	VND	Thả nổi	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	Đầu tư nhà máy thủy điện	86.000.000.000	86.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND	Thả nổi	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	Đầu tư nhà máy thủy điện	32.004.000.000	32.004.000.000
					<b>140.555.830.228</b>	<b>120.370.638.012</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	30/06/2021	01/01/2021
						VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						<b>993.756.174.652</b>	<b>1.054.758.174.652</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	VND	Thả nổi	2027	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	Đầu tư dự án thủy điện	694.698.469.787	739.698.469.787
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND	Thả nổi	2027	Tài sản hình thành từ dự án đầu tư	Đầu tư dự án thủy điện	299.057.704.865	315.059.704.865
						<b>993.756.174.652</b>	<b>1.054.758.174.652</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(118.004.000.000)	(118.004.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						<b>875.752.174.652</b>	<b>936.754.174.652</b>

#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	200.000.000	(41.783.399.813)	618.416.600.187
Lỗi trong kỳ trước	-	-	(40.339.753.801)	(40.339.753.801)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>(82.123.153.614)</b>	<b>578.076.846.386</b>
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	200.000.000	18.249.923.156	678.449.923.156
Lỗi trong kỳ này	-	-	(26.055.326.365)	(26.055.326.365)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>200.000.000</b>	<b>(7.805.403.209)</b>	<b>652.394.596.791</b>

##### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	291.130.830.000	44,11%	291.130.830.000	44,11%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	159.666.000.000	24,19%	159.666.000.000	24,19%
Các cổ đông khác	209.203.170.000	31,70%	209.203.170.000	31,70%
<b>Cộng</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>100%</b>

##### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	660.000.000.000	660.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	660.000.000.000	660.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	660.000.000.000	660.000.000.000

##### d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.000.000	66.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.000.000	66.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

##### e) Các quỹ của công ty

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>



#### 15. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 09 năm 2008 với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để sử dụng với mục đích xây dựng thủy điện Bắc Hà từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Diện tích khu đất thuê là 8.274.121 m<sup>2</sup> bao gồm các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất, Công ty được miễn tiền thuê đất trong 19 năm từ ngày 13 tháng 09 năm 2007 đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

#### 16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	89.980.799.829	78.317.936.848
	<b>89.980.799.829</b>	<b>78.317.936.848</b>

#### 17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	56.922.726.818	57.213.682.657
	<b>56.922.726.818</b>	<b>57.213.682.657</b>

#### 18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.230.044	46.430.010
	<b>20.230.044</b>	<b>46.430.010</b>

#### 19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	48.035.861.696	58.751.453.215
Lãi chậm trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18 <sup>(i)</sup>	5.000.000.000	
Chi phí tài chính khác	60.227.825	18.668.205
	<b>53.096.089.521</b>	<b>58.770.121.420</b>

<sup>(i)</sup> Lãi chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Licogi số 18 (xem thuyết minh số 07).

**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.511.142.632	1.856.025.657
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.779.774	889.462.179
	<b>3.394.922.406</b>	<b>2.748.487.836</b>

**21. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Xử lý công nợ tạm ứng <sup>(i)</sup>	1.802.340.667	-
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm <sup>(ii)</sup>	666.634.744	-
Chi phí khác	203.580.000	-
	<b>2.672.555.411</b>	<b>-</b>

<sup>(i)</sup> Xử lý các khoản công nợ tạm ứng không hoàn được chứng từ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 80/2021/NQ-BHHC-HĐQT ngày 02/04/2021.

<sup>(ii)</sup> Tiền phạt chậm nộp thuế theo thông báo số 7001/TB-CT ngày 17/05/2021 của Chi cục thuế tỉnh Lào Cai

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(26.055.326.365)	(40.339.753.801)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.672.555.411	-
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	870.214.744	-
- Xử lý tiền tạm ứng không hoàn được chứng từ	1.802.340.667	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(23.382.770.954)	(40.339.753.801)
Chuyển lỗ các năm trước	-	(149.194.779)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất ưu đãi 10%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Điều chỉnh thuế TNDN nộp thừa sang thuế tài nguyên	(1.012.429.354)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.284.408.746	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>271.979.392</b>	<b>-</b>



### 23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(26.055.326.365)	(40.339.753.801)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(26.055.326.365)	(40.339.753.801)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	66.000.000	66.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(395)</b>	<b>(611)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.444.525.264	6.489.668.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.444.355.666	50.010.870.258
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.779.774	1.380.823.986
Chi phí khác bằng tiền	1.544.988.520	2.080.807.973
	<b>60.317.649.224</b>	<b>59.965.170.493</b>

### 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	14.067.020.100	-	9.866.985.511	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.394.494.969	-	19.727.825.134	-
	<b>31.461.515.069</b>	<b>-</b>	<b>29.594.810.645</b>	<b>-</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	1.016.308.004.880	1.057.124.812.664
Phải trả người bán, phải trả khác	70.733.773.294	38.101.251.408
Chi phí phải trả	44.120.000.000	53.187.693.090
	<b>1.131.161.778.174</b>	<b>1.148.413.757.162</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền	14.067.020.100	-	-	14.067.020.100
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.394.494.969	-	-	17.394.494.969
	<b>31.461.515.069</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.461.515.069</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền	9.866.985.511	-	-	9.866.985.511
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.727.825.134	-	-	19.727.825.134
	<b>29.594.810.645</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>29.594.810.645</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Vay và nợ	140.555.830.228	503.016.000.000	372.736.174.652	1.016.308.004.880
Phải trả người bán, phải trả khác	63.006.500.567	7.727.272.727	-	70.733.773.294
Chi phí phải trả	10.000.000.000	34.120.000.000	-	44.120.000.000
	<b>213.562.330.795</b>	<b>544.863.272.727</b>	<b>372.736.174.652</b>	<b>1.131.161.778.174</b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	120.370.638.012	505.010.000.000	431.744.174.652	1.057.124.812.664
Phải trả người bán, phải trả khác	30.373.978.681	7.727.272.727	-	38.101.251.408
Chi phí phải trả	19.067.693.090	34.120.000.000	-	53.187.693.090
	<b>169.812.309.783</b>	<b>546.857.272.727</b>	<b>431.744.174.652</b>	<b>1.148.413.757.162</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn và các nguồn lực tài chính khác.

## 26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## 27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>4.837.568.040</b>	<b>4.837.568.040</b>
Tổng Công ty Licogi - CTCP - Chi nhánh Licogi số 01	Cùng cổ đông lớn	4.837.568.040	4.837.568.040
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>1.605.257.308</b>	<b>1.605.257.308</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng cổ đông lớn	619.248.529	619.248.529
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	Cùng cổ đông lớn	986.008.779	986.008.779

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

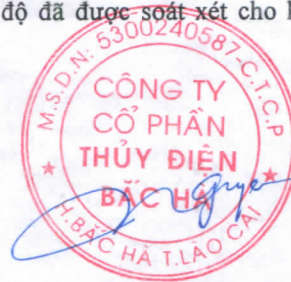
	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
		VND	VND
Ông: Đồng Quốc Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị	87.000.000	42.000.000
Ông: Phan Thanh Hải	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	73.000.000	36.000.000
Ông: Nguyễn Cảnh Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị	59.000.000	30.000.000
Ông: Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	30.000.000
Ông: Nguyễn Danh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	59.000.000	30.000.000
Ông: Nguyễn Văn Thập	Thành viên Hội đồng quản trị	43.000.000	30.000.000
Ông: Nguyễn Thành Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	414.399.867	259.391.460
Ông: Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	281.746.160	200.115.764
Ông: Phạm Ngọc Tân	Trưởng Ban kiểm soát	59.000.000	30.000.000
Ông: Nguyễn Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	45.000.000	24.000.000
Ông: Đỗ Văn Chính	Thành viên Ban kiểm soát	45.000.000	4.000.000

## 28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Hà Thị Thùy  
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Hưng  
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 12 tháng 08 năm 2021